

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2023.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Ông Đinh Xuân Dâu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 924/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962.

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số A, tổ B, xóm C, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Tạ Văn T, sinh năm 1958.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Số A, tổ B, xóm C, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà và ông Tạ Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1982 đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường nhưng đến những năm gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, vợ chồng không thể chung sống hòa hợp với nhau. Nay mâu thuẫn của vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được. Mặc dù các con đã

lớn và có nhiều biện pháp để hàn gắn, hòa giải nhưng mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không giải quyết được. Nay tình cảm của bà đối với ông T không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Tạ Văn T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là cháu Tạ Thị Vân A, sinh năm 1985; Tạ Thị Quỳnh N, sinh năm 1986; Tạ Thị Phương D, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Tạ Văn T vắng mặt:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị L. Cho bà L được ly hôn với ông Tạ Văn T.

Về con chung: : Bà L và ông T có 03 con chung là cháu Tạ Thị Vân A, sinh năm 1985; Tạ Thị Quỳnh N, sinh năm 1986; Tạ Thị Phương D, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Bà L khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời bà L cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Tạ Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1982 đến nay, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội 10, Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa bà L và ông T là quan hệ hôn nhân thực tế.

Bà L xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, không thể chung sống hòa hợp. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tạ Văn T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T tới Tòa án để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L khai bà và ông T có 03 con chung là cháu Tạ Thị Vân A, sinh năm 1985; Tạ Thị Quỳnh N, sinh năm 1986; Tạ Thị Phương D, sinh năm 1990. Hiện nay các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tuấn vắng mặt không có ý kiến trình bày về vấn đề con chung. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Bà L khai không có, ông T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội 10; Thông tư liên

tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Tạ Văn T.

2. Về con chung: Các con của bà Phạm Thị L và ông Tạ Văn T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Tạ Văn T không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L, ông Tạ Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm